

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## CHÍNH PHỦ

### Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng

(Tiếp theo Công báo số 1261 + 1262)

#### **Điều 54. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng có trách nhiệm sau:

1. Có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam để phục vụ thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin khi có yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, cơ quan có thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của người chơi đối với việc cung cấp dịch vụ theo quy định;

2. Có trang thông tin điện tử giới thiệu, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng và hiển thị đầy đủ các thông tin sau:

- Phân loại trò chơi điện tử theo độ tuổi người chơi đối với từng trò chơi;
- Quy tắc của từng trò chơi (bao gồm cả việc thu tiền của người chơi);
- Các quy định quản lý nội dung, thông tin, quản lý hoạt động của trò chơi;
- Các quy tắc về giải quyết khiếu nại, tranh chấp quyền lợi phát sinh giữa người chơi và doanh nghiệp, giữa người chơi với người chơi;
- Hiển thị thông tin của doanh nghiệp gồm: Tên doanh nghiệp; địa chỉ văn phòng giao dịch; số điện thoại liên hệ; số Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận/Quyết định phát hành; đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Khi cung cấp trò chơi trên kho ứng dụng, phần mô tả thông tin của trò chơi trên kho ứng dụng phải thể hiện số Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận/Quyết định phát hành; ngày, tháng, năm cấp; đoạn mã được liên kết đến mục số liệu

cấp phép trên Công thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

3. Áp dụng các biện pháp hạn chế tác động tiêu cực của trò chơi do doanh nghiệp cung cấp, bao gồm:

a) Nội dung quảng cáo, giới thiệu về trò chơi (trên chương trình quảng cáo, trên trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng trên mạng của doanh nghiệp) phải đúng với nội dung, kịch bản, âm thanh, hình ảnh trong trò chơi đã được cấp phép, tuân thủ các quy định về quảng cáo và phải bao gồm các thông tin sau: Tên trò chơi; phân loại trò chơi theo độ tuổi; khuyến cáo về những tác động ngoài mong muốn về thể chất, tinh thần có thể xảy ra đối với người chơi;

b) Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ, xác thực và quản lý nội dung, thông tin của người chơi theo quy định của pháp luật, đảm bảo chỉ những người chơi đã cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định này mới được tham gia chơi trò chơi; cung cấp trò chơi có nội dung phù hợp với lứa tuổi; cảnh báo mức độ ảnh hưởng của việc chơi quá thời gian/ngày và áp dụng biện pháp giới hạn giờ chơi đối với trẻ em, người dưới 18 tuổi theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em; bảo đảm người sử dụng dịch vụ có quyền quyết định cho phép hoặc không cho phép doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng được sử dụng thông tin của mình cho mục đích quảng bá, truyền thông hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

4. Bảo đảm quyền lợi chính đáng của người chơi theo đúng quy tắc của trò chơi đã công bố; chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin; có bộ phận để tiếp nhận và giải quyết khiếu nại và các tranh chấp phát sinh giữa người chơi và doanh nghiệp, giữa người chơi với người chơi.

5. Tuân thủ quy định về vật phẩm ảo, điểm thưởng, đơn vị ảo theo quy định tại Điều 57 Nghị định này.

6. Trường hợp ngừng cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng phải: Thông báo trên trang thông tin điện tử cung cấp trò chơi tối thiểu 90 ngày trước ngày dự kiến ngừng cung cấp dịch vụ (trừ trường hợp phải dừng, đình chỉ hoạt động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền); có các giải pháp bảo đảm quyền lợi của người chơi; báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền cấp phép về các nội dung này 15 ngày trước ngày chính thức ngừng cung cấp dịch vụ.

7. Triển khai các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ quản lý nội dung diễn đàn, nội dung chia sẻ, trao đổi giữa các người chơi theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này.

8. Không được quảng cáo trò chơi điện tử trên mạng khi chưa được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng hoặc cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng tại các diễn đàn, trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và phương tiện thông tin đại chúng khác.

9. Nộp phí thẩm định trò chơi điện tử trên mạng theo quy định về phí và lệ phí.

10. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định này và gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Sở Thông tin và Truyền thông địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền.

12. Tuân thủ các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản có liên quan về quyền sở hữu trí tuệ đối với trò chơi; tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin, bảo mật thông tin của người chơi; Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc điều tra, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật; cung cấp thông tin của người chơi cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ công tác điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

13. Tuân thủ quy định về việc phát hành và quản lý thẻ game theo quy định tại Điều 58 Nghị định này.

14. Kết nối với các hình thức thanh toán hợp pháp để thu tiền người chơi, thanh toán cho trò chơi điện tử trên mạng do doanh nghiệp phát hành.

15. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em.

**Điều 55. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng và Tổ giúp việc của Hội đồng tư vấn thẩm định**

1. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng bao gồm đại diện một số cơ quan, tổ chức có liên quan, có trình độ chuyên môn phù hợp.

2. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng có nhiệm vụ tư vấn trong quá trình thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng và các trường hợp

đặc biệt khác theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), bảo đảm công việc tư vấn thẩm định chặt chẽ, khách quan.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng.

4. Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng được thành lập Tổ giúp việc để giúp việc cho Hội đồng liên quan đến việc thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng. Tổ giúp việc do Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thành lập.

### **Điều 56. Thông tin người chơi**

1. Khi đăng ký tài khoản sử dụng trò chơi điện tử trên mạng, người chơi phải cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin sau đây: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số điện thoại di động tại Việt Nam. Trường hợp người chơi dưới 16 tuổi thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự và có trách nhiệm giám sát và quản lý thời gian chơi, nội dung trò chơi của người chơi dưới 16 tuổi truy cập.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng phải lưu giữ các thông tin của người chơi trong suốt quá trình người chơi sử dụng dịch vụ và trong 06 tháng sau khi người chơi ngừng sử dụng dịch vụ, bảo đảm người chơi có quyền quyết định cho phép hoặc không cho phép doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng được sử dụng thông tin của mình cho mục đích quảng bá, truyền thông hoặc cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác; phải triển khai hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để xác thực thông tin của người chơi.

### **Điều 57. Quy định về vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng**

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng chỉ được khởi tạo các vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi điện tử trên mạng theo đúng nội dung mà doanh nghiệp đã báo cáo trong hồ sơ được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng, Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

2. Người chơi được dùng điểm thưởng hoặc đơn vị ảo có trong tài khoản trò chơi của mình để mua, đổi lấy vật phẩm ảo do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng khởi tạo trong chính trò chơi đó.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng có nghĩa vụ quản lý vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi điện tử theo đúng quy tắc trò chơi đã công bố và phù hợp với nội dung trò chơi đã được phê duyệt, cấp Quyết định. Không được gắn chương trình khuyến mãi có thưởng (bằng tiền hoặc hiện vật thật bên ngoài trò chơi) vào giao diện, tính năng của trò chơi điện tử trên mạng.

4. Vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng chỉ được sử dụng trong phạm vi trò chơi điện tử trên mạng và theo đúng mục đích mà doanh nghiệp đã báo cáo, không được quy đổi ngược lại thành tiền, thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động, thẻ ngân hàng, thẻ mua hàng, thẻ game, thẻ quà tặng hoặc các hiện vật có giá trị giao dịch bên ngoài trò chơi điện tử trên mạng.

5. Không mua, bán vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng giữa những người chơi với nhau.

### **Điều 58. Quy định về phát hành thẻ game**

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng được phát hành và chịu trách nhiệm quản lý thẻ game.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng chỉ sử dụng thẻ game để cho phép người chơi nạp tiền vào các trò chơi điện tử trên mạng hợp pháp của chính doanh nghiệp đó hoặc của các doanh nghiệp khác trong một tập đoàn kinh tế, nhóm công ty, công ty mẹ, công ty con của doanh nghiệp đó; không sử dụng thẻ game để nạp tiền vào các trò chơi điện tử trên mạng không phép hoặc vào mục đích khác.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng khi phát hành thẻ game phải ban hành quy định nội bộ về phát hành thẻ áp dụng trong hệ thống của mình. Khi phát hành thẻ phi vật lý, doanh nghiệp phải xây dựng tài liệu mô tả quy trình mở/ngừng sử dụng thẻ, quy trình thực hiện giao dịch thẻ, quy trình quản lý rủi ro (bao gồm các bước: Nhận diện, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro), phạm vi sử dụng thẻ và biện pháp kiểm soát việc sử dụng thẻ đúng phạm vi đã thỏa thuận.

Báo cáo về số lượng, mệnh giá thẻ, doanh thu do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng phát hành trong báo cáo định kỳ của doanh nghiệp và gửi đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Sở Thông tin và Truyền thông địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động.

4. Trước khi ngừng phát hành, sử dụng thẻ game 30 ngày, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Sở Thông tin và Truyền thông địa phương, nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động để theo dõi, quản lý.

Nội dung báo cáo: Tổng số số lượng thẻ đã phát hành, tổng số lượng thẻ đã nạp tiền, tổng số lượng thẻ còn tồn, mệnh giá thẻ, tổng doanh thu trong thời gian doanh nghiệp phát hành thẻ.

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng gửi báo cáo trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) Sở Thông tin và Truyền thông địa phương, nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông địa phương.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

#### **Điều 59. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet**

1. Từ chối, tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các trò chơi điện tử G1, G2, G3, G4 trên mạng chưa được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận/Quyết định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Nghị định này.

2. Thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các trò chơi điện tử G1, G2, G3, G4 trên mạng chưa được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận/Quyết định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Nghị định này hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 47 và khoản 4 Điều 53 Nghị định này.

3. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; điều tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

4. Báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các hành vi vi phạm trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

5. Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng triển khai biện pháp bảo vệ trẻ em và giới hạn giờ chơi đối với trẻ em, người dưới 18 tuổi theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em.

**Điều 60. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Từ chối, tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các trò chơi điện tử G1, G2, G3, G4 trên mạng chưa được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận/Quyết định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Nghị định này.

2. Thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tạm ngừng hoặc ngừng kết nối với các trò chơi điện tử G1, G2, G3, G4 trên mạng chưa được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận/Quyết định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Nghị định này hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 47 và khoản 4 Điều 53 Nghị định này.

3. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin; điều tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

**Điều 61. Quy định về cung cấp thông tin và chế độ báo cáo**

1. Cung cấp thông tin:

a) Định kỳ hàng tháng, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) công bố và cập nhật danh sách các doanh nghiệp và các trò chơi điện tử G1, G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp phép; danh sách các trò chơi đã ngừng phát hành; danh sách các Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận/Quyết định đã bị đình chỉ, thu hồi, không còn hiệu lực trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);

b) Định kỳ hàng tháng, Sở Thông tin và Truyền thông địa phương công bố và cập nhật danh sách các doanh nghiệp và các trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp phép, danh sách các trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã ngừng cung cấp, danh sách các Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận bị đình chỉ, thu hồi, không còn hiệu lực trên Cổng thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.

## 2. Chế độ báo cáo:

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng một lần (chậm nhất ngày 06 tháng 6 và chậm nhất ngày 25 tháng 11 hàng năm) theo Mẫu số 47 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Sở Thông tin và Truyền thông địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Doanh nghiệp gửi báo cáo trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) Sở Thông tin và Truyền thông địa phương, nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông địa phương.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Sở Thông tin và Truyền thông địa phương gửi báo cáo định kỳ 06 tháng một lần (chậm nhất ngày 08 tháng 6 và chậm nhất ngày 27 tháng 11 hàng năm) về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử tại địa phương hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu theo Mẫu số 48 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Sở Thông tin và Truyền thông địa phương gửi báo cáo trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc gửi trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**Điều 62. Điều kiện hoạt động của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân chỉ được thiết lập điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

b) Có biển hiệu “Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng” ghi rõ tên điểm, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, số đăng ký kinh doanh. Trường hợp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đồng thời là đại lý Internet thì thêm nội dung “Đại lý Internet”. Trường hợp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đồng thời là điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp thì thêm nội dung “Điểm truy nhập Internet công cộng”;

c) Có thiết bị và nội quy phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng, chống cháy, nổ của Bộ Công an.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Giao Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng áp dụng trên địa bàn;

b) Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã trong việc phổ biến pháp luật, quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị danh sách các điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp và bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn, danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp Quyết định/Giấy xác nhận phát hành và danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã bị thu hồi hoặc dừng hoạt động; thông báo cho các chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử

công cộng trên địa bàn danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp Quyết định/Giấy xác nhận phát hành và danh sách các trò chơi điện tử trên mạng đã bị thu hồi hoặc dừng hoạt động và thực hiện báo cáo định kỳ chậm nhất ngày 20 tháng 11 hàng năm về Sở Thông tin và Truyền thông các nội dung theo Mẫu số 49 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) chậm nhất ngày 25 tháng 11 hàng năm.

Hình thức gửi báo cáo: Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Sở Thông tin và Truyền thông địa phương hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Thông tin và Truyền thông

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**Điều 63. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có thời hạn 03 năm.

2. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng quy định theo Mẫu số 50 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 64. Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 51a hoặc Mẫu số 51b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân; bản sao chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp không thể tra cứu trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

c) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

## 2. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

### **Điều 65. Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân là chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trong thời hạn 10 ngày kể từ khi thay đổi các nội dung sau:

a) Thay đổi tên điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

b) Thay đổi chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân hoặc thay đổi người quản lý trực tiếp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận theo Mẫu số 52a hoặc Mẫu số 52b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu có liên quan đến các thông tin thay đổi (nếu có).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng sửa đổi, bổ sung thay thế cho Giấy chứng nhận cũ. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng sửa đổi, bổ sung có thời hạn bằng thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận cũ.

#### **Điều 66. Gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn Giấy chứng nhận đã được cấp, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân muốn gia hạn Giấy chứng nhận đã được cấp thực hiện thủ tục đề nghị cấp gia hạn Giấy chứng nhận.

Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn theo quy định tại Mẫu số 53a hoặc Mẫu số 53b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân; bản sao chứng minh nhân dân/căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp không tra cứu được trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp 01 hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định và cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 54 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được gia hạn 01 lần và không quá 02 năm. Trong thời hạn được gia hạn Giấy chứng nhận, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 63, Điều 64 Nghị định này.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

a) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử theo Mẫu số 55a hoặc Mẫu số 55b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng theo Mẫu số 50 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: Ngày cấp Giấy xác nhận lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

**Điều 67. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

1. Chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động đối với một trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin giả mạo để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng hết hiệu lực.

2. Trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, sau thời hạn 01 năm kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận, chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có quyền đề nghị cấp Giấy chứng nhận mới nếu đáp ứng đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận theo quy định.

**Điều 68. Trách nhiệm của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng**

Chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có trách nhiệm sau đây:

1. Được thiết lập hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tại địa điểm ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đã được cấp.

2. Được cung cấp dịch vụ truy nhập Internet sau khi đã ký hợp đồng đại lý Internet với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet.

3. Được yêu cầu doanh nghiệp ký hợp đồng đại lý Internet với mình hướng dẫn, cung cấp thông tin về dịch vụ truy nhập Internet và chịu sự kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp đó.

4. Được tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về Internet, trò chơi điện tử do các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức trên địa bàn.

5. Có bảng niêm yết công khai nội quy sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử ở nơi mọi người dễ nhận biết, bao gồm các điều cấm quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật An ninh mạng; Điều 7, Điều 69 Nghị định này.

6. Có bảng niêm yết danh sách cập nhật các trò chơi điện tử trên mạng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép phát hành tại điểm cung cấp dịch vụ kèm theo phân loại trò chơi theo độ tuổi (thông tin được cập nhật từ trên trang thông tin điện

tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc của Sở Thông tin và Truyền thông địa phương.

7. Không được tổ chức hoặc cho phép người sử dụng Internet sử dụng các tính năng của máy tính tại địa điểm kinh doanh của mình để thực hiện các hành vi bị cấm quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng.

8. Không được hoạt động từ 22 giờ đêm đến 8 giờ sáng hôm sau.

9. Thực hiện quy định về bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin.

10. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 69. Quyền và nghĩa vụ của người chơi**

Người chơi có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được chơi các trò chơi điện tử trên mạng đã được cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng, cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng Internet quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử bảo đảm quyền lợi theo quy tắc của trò chơi điện tử và quy tắc giải quyết khiếu nại, tranh chấp được công bố trên trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

4. Lựa chọn trò chơi điện tử phù hợp với độ tuổi của mình.

5. Không được lợi dụng trò chơi điện tử để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

6. Thực hiện việc đăng ký thông tin người chơi theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định này, đảm bảo các thông tin đăng ký là chính xác.

7. Chấp hành quy định về quản lý giờ chơi, quy định về thời gian hoạt động của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

## **Chương IV**

### **CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG DI ĐỘNG**

#### **Điều 70. Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động**

1. Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động là việc tổ chức, doanh nghiệp thiết lập hệ thống thiết bị tại Việt Nam để kết nối tới mạng

viễn thông di động nhằm cung cấp nội dung thông tin tới người sử dụng dịch vụ viễn thông di động gắn liền với dịch vụ nhắn tin, dịch vụ thoại (dịch vụ gọi giá cao, dịch vụ gọi tự do, dịch vụ giải đáp thông tin) và dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động.

Đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động là việc tổ chức, doanh nghiệp thực hiện kê khai với cơ quan có thẩm quyền các thông tin về tổ chức, doanh nghiệp, loại hình dịch vụ nội dung thông tin cung cấp, phương thức cung cấp dịch vụ và cam kết bảo đảm đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

2. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động thực hiện thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Viễn thông phải có Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật tại Nghị định này về cung cấp dịch vụ nội dung thông tin chuyên ngành do mình cung cấp.

Đối với dịch vụ gọi tự do, dịch vụ gọi giá cao thì không phải thực hiện thủ tục đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

Đối với các dịch vụ nội dung thông tin cung cấp tới người sử dụng dịch vụ viễn thông di động gắn liền với dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động thì tổ chức, doanh nghiệp phải có Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận chuyên ngành do Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Sở Thông tin và Truyền thông cấp.

3. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Có nội dung thông tin bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 43 Điều 3 và khoản 2 Điều này; có phương án cung cấp dịch vụ và cam kết bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động quy định tại Điều 74 Nghị định này.

**Điều 71. Quy trình thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Mẫu số 56 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14); hoặc Quyết định chức năng, nhiệm vụ hoặc Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể) có chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký doanh nghiệp ngành nghề cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;

c) Báo cáo hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Mẫu số 61 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp cấp mới do Giấy chứng nhận đăng ký kết nối hết thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc không còn hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Thời hạn và quy trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để

cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động cho tổ chức, doanh nghiệp theo Mẫu số 57 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) có văn bản trả lời, nêu rõ lý do và quy định pháp luật có liên quan.

3. Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động có thời hạn theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp nhưng không quá 05 (năm) năm.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động không còn hiệu lực trong các trường hợp như sau:

- a) Tổ chức, doanh nghiệp bị giải thể, bị phá sản;
- b) Tổ chức, doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận tại khoản 2 Điều 73 Nghị định này.

**Điều 72. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động**

1. Tổ chức, doanh nghiệp phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận khi thay đổi một trong các nội dung sau đây:

- a) Tên tổ chức, doanh nghiệp;
- b) Địa chỉ trụ sở chính;
- c) Người đại diện theo pháp luật;
- d) Tên dịch vụ nội dung thông tin (bổ sung dịch vụ mới, ngừng cung cấp dịch vụ, thay đổi tên dịch vụ);
- đ) Mã, số viễn thông sử dụng để cung cấp dịch vụ;
- e) Phương thức đăng ký, cung cấp dịch vụ.

Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung có hiệu lực tới ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận được cấp ban đầu.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận theo Mẫu số 58 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Tài liệu chứng minh có liên quan về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Thời hạn và quy trình giải quyết hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận theo Mẫu số 57 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký kết nối:

a) Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký kết nối hết hạn, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy chứng nhận phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận theo Mẫu số 59 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) thẩm định, cấp gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo Mẫu số 57 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Giấy chứng nhận được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 02 năm kể từ ngày hết hạn của Giấy chứng nhận đề nghị gia hạn.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận:

a) Tổ chức, doanh nghiệp có Giấy chứng nhận bị mất, bị hư hại không còn sử dụng được thực hiện đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 60 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp theo Mẫu số 57 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Giấy chứng nhận được cấp lại có nội dung chính tương tự Giấy chứng nhận được đề nghị cấp lại và bao gồm thông tin: Ngày cấp Giấy chứng nhận lần đầu, cấp sửa đổi, bổ sung (nếu có), ngày được cấp lại, số lần cấp lại.

6. Việc xét cấp sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 70 Nghị định này.

**Điều 73. Trình tự thủ tục đình chỉ hoạt động, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định này ban hành Quyết định đình chỉ hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động trong thời hạn 03 tháng khi tổ chức, doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Viễn thông, Điều 8 Luật An ninh mạng được xác định bởi cơ quan có thẩm quyền;

b) Không tuân thủ quy định tại Điều 74 Nghị định này sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khắc phục bằng văn bản.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động trong các trường hợp sau:

a) Đến hết thời hạn bị đình chỉ, tổ chức, doanh nghiệp không báo cáo cơ quan quản lý và không có phương án khả thi để khắc phục vi phạm;

b) Có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động hoặc trả lại Giấy chứng nhận;

c) Tổ chức, doanh nghiệp không triển khai trên thực tế việc cung cấp dịch vụ sau 12 tháng kể từ ngày Giấy chứng nhận có hiệu lực.

3. Trình tự, thủ tục đình chỉ hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động:

a) Khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện và thông báo về việc tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) ban hành Quyết định đình chỉ hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động trong thời hạn 03 tháng;

b) Khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện và thông báo về việc tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) ra thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp khắc phục. Sau 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn yêu cầu trong văn bản thông báo mà tổ chức, doanh nghiệp không khắc phục thì cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ban hành Quyết định đình chỉ Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động trong thời hạn 03 tháng;

c) Khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về việc tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) chuyển nội dung liên quan tới cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xác minh và có ý kiến để làm cơ sở cho việc thực hiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này;

d) Khi tổ chức, doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp quy định khoản 2 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

**Điều 74. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động**

Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này có trách nhiệm sau đây:

1. Được thiết lập hệ thống thiết bị và thuê đường truyền dẫn viễn thông để kết nối tới các doanh nghiệp viễn thông di động. Được cung cấp dịch vụ theo định kỳ (ngày, tuần, tháng, quý, năm) hoặc không định kỳ.

2. Có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam để phục vụ thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin khi có yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, cơ quan có thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của người sử dụng đối với việc cung cấp dịch vụ theo quy định.

3. Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng, khai thác kho số viễn thông, tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định quản lý tài nguyên viễn thông.

4. Bảo đảm cung cấp nội dung thông tin tới người sử dụng dịch vụ theo đúng quy định của pháp luật, chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nội dung mà tổ chức, doanh nghiệp cung cấp. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin cung cấp và đảm bảo đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định khi cung cấp dịch vụ.

5. Ban hành công khai thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, hướng dẫn giải quyết khiếu nại cho người sử dụng biết trước khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Cung cấp dịch vụ theo đúng chất lượng, giá cước dịch vụ đã công bố với người sử dụng dịch vụ.

7. Đối với các dịch vụ cung cấp theo định kỳ (ngày, tuần, tháng, quý, năm), chỉ được cung cấp dịch vụ sau khi có xác nhận đồng ý của người sử dụng dịch vụ và có thông báo đăng ký dịch vụ thành công đến người sử dụng dịch vụ.

Phương thức xác nhận và thông báo: Qua tin nhắn ngắn SMS hoặc qua phương thức khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định theo quy định pháp luật.

Thông báo đăng ký dịch vụ thành công đến người sử dụng dịch vụ bao gồm các thông tin sau: Thuê bao đã đăng ký thành công [tên dịch vụ vừa đăng ký]; mã, số viễn thông để cung cấp dịch vụ; chu kỳ cước, giá cước; cách hủy; tổng đài hỗ trợ tư vấn người sử dụng dịch vụ.

8. Bảo đảm cho người sử dụng khả năng từ chối dịch vụ; hủy dịch vụ; tra cứu lịch sử các giao dịch trừ cước trong vòng 180 ngày kể từ ngày đăng ký; truy vấn

miễn phí các dịch vụ thông tin đã đăng ký bằng các hình thức phù hợp (nhắn tin tới số dịch vụ, gọi điện đến tổng đài hỗ trợ hoặc truy cập vào trang thông tin điện tử cung cấp thông tin của doanh nghiệp và các hình thức khác). Trường hợp thuê bao đã yêu cầu hủy dịch vụ, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phải gửi ngay tin nhắn thông báo về kết quả xử lý.

9. Bảo đảm cung cấp dịch vụ theo đúng các yêu cầu của người sử dụng đã đăng ký; không thực hiện việc thu tiền dịch vụ đối với các dịch vụ nội dung thông tin mà người sử dụng không nhận được hoặc nhận được nội dung thông tin không đầy đủ, hoàn chỉnh theo đúng yêu cầu đã đăng ký.

10. Nội dung quảng cáo về dịch vụ phải bao gồm các thông tin sau: Tên dịch vụ, cách đăng ký, chu kỳ cước, giá cước, cách từ chối, tổng đài hỗ trợ tư vấn người sử dụng dịch vụ. Việc quảng cáo qua tin nhắn, thư điện tử, cuộc gọi phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

11. Lưu trữ tối thiểu 12 tháng đối với các nội dung thông tin đã cung cấp; lưu trữ tối thiểu 24 tháng dữ liệu xử lý các yêu cầu đăng ký, yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ, chi tiết cước, thông tin khiếu nại của người sử dụng và kết quả xử lý khiếu nại kể từ ngày tiếp nhận, xử lý để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định.

12. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động phải có tổng đài hỗ trợ, tư vấn cho người sử dụng dịch vụ.

13. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và chịu sự kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất theo quy định tại Điều 77 Nghị định này và chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 75. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông di động**

Doanh nghiệp viễn thông di động khi hợp tác với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện hợp tác kinh doanh với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo nguyên tắc sau đây:

a) Thông qua thương lượng trên cơ sở bảo đảm công bằng, hợp lý, phù hợp với quyền, lợi ích của các bên tham gia;

b) Sử dụng hiệu quả tài nguyên viễn thông và cơ sở hạ tầng viễn thông;

c) Bảo đảm hoạt động an toàn, thống nhất của các mạng viễn thông;

d) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng theo quy định của pháp luật;

đ) Cung cấp kết nối cho các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động về mặt kỹ thuật trên mạng viễn thông và thực hiện kết nối kịp thời, hợp lý, công khai, minh bạch;

e) Không phân biệt đối xử về kết nối, giá cước, thanh toán, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông.

2. Chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình, hệ thống cung cấp dịch vụ của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động, đảm bảo việc đăng ký, xác thực, từ chối, gia hạn, hủy dịch vụ, thu cước và thông báo tới người sử dụng dịch vụ phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm đảm bảo chỉ kết nối để cung cấp dịch vụ với các dịch vụ nội dung tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tạm ngừng, ngừng kết nối hoặc từ chối kết nối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp viễn thông di động phát hiện hoặc đã xác thực các thông tin phản ánh về các nội dung, dịch vụ vi phạm quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng;

b) Có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại, hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao). Thời gian thực hiện chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu;

c) Có Quyết định đình chỉ hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết nối theo quy định tại Nghị định này hoặc có Quyết định thu hồi hoặc thông báo chấp nhận hoàn trả mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông;

d) Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động không có Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận đã hết hiệu lực.

5. Các doanh nghiệp viễn thông di động thống nhất sử dụng mã, số viễn thông phù hợp quy hoạch về kho số để người sử dụng dịch vụ truy vấn thông tin các dịch vụ nội dung thông tin đang sử dụng. Nội dung thông tin cung cấp cho người sử dụng bao gồm: Tên dịch vụ; mã, số viễn thông cung cấp dịch vụ; chu kỳ cước; giá cước; cách hủy dịch vụ.

6. Gửi thông báo tới thuê bao vào ngày 25 hàng tháng để thông tin tới người sử dụng về dịch vụ nội dung đang sử dụng (bao gồm các thông tin: Tên dịch vụ; gói dịch vụ đang đăng ký; giá cước dịch vụ) qua tin nhắn ngắn SMS hoặc các phương thức khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định.

7. Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động để giải quyết khiếu nại, tranh chấp về giá cước, chất lượng dịch vụ cho người sử dụng theo quy định tại Điều 76 Nghị định này.

8. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất theo quy định tại Điều 77 Nghị định này và chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 76. Giải quyết khiếu nại về cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động**

1. Doanh nghiệp viễn thông di động và tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động có nghĩa vụ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, xử lý khiếu nại theo các quy định của pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp phát hiện thu phí sử dụng dịch vụ nội dung sai quy định, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung và doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm hoàn trả lại phần phí dịch vụ đã thu sai cho người sử dụng dịch vụ trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết quả giải quyết khiếu nại.

**Điều 77. Chế độ báo cáo**

1. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 25 tháng 11 hàng năm theo Mẫu số 61 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại, hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) và Sở Thông tin và Truyền thông địa phương.

Báo cáo nộp trực tiếp, qua đường bưu chính, qua phương tiện điện tử hoặc dịch vụ công trực tuyến tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) và Sở Thông tin và Truyền thông địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động.

2. Tổ chức, doanh nghiệp viễn thông di động thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 01 năm một lần và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Tổ chức, doanh nghiệp viễn thông di động thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 25 tháng 11 hàng năm theo Mẫu số 62 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) và Sở Thông tin và Truyền thông địa phương.

Tổ chức, doanh nghiệp gửi báo cáo đến trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) và Sở Thông tin và Truyền thông địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động hoặc nộp trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông và Sở Thông tin và Truyền thông địa phương.

Trường hợp nộp trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**Điều 78. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động**

Người sử dụng dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được sử dụng các dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật.

2. Tuân thủ quy định sử dụng dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

3. Tự kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc quyết định sử dụng dịch vụ của mình.

4. Có quyền khiếu nại, tố cáo khi chất lượng dịch vụ, nội dung dịch vụ không đúng với nội dung dịch vụ mà tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đã công bố, thỏa thuận.

## **Chương V**

### **GIÁM SÁT THÔNG TIN VÀ NGĂN CHẶN, GỠ BỎ THÔNG TIN VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN MẠNG**

#### **Điều 79. Giám sát thông tin trên mạng**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an triển khai hệ thống kỹ thuật phục vụ giám sát, thu thập thông tin trên mạng trong phạm vi cả nước.

2. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm sau đây:

a) Triển khai các biện pháp giám sát, thu thập, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên mạng trên hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng của doanh nghiệp theo hướng dẫn, yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an (đối với các vi phạm về bản quyền, sở hữu trí tuệ thì thực hiện theo Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định có liên quan);

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến thuê bao viễn thông, Internet có dấu hiệu vi phạm pháp luật trên mạng đảm bảo có thể tra cứu, định danh chính xác tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) hoặc của Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao).

#### **Điều 80. Ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật trên mạng**

1. Các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện, hoặc phối hợp thực hiện ngăn chặn, xử lý thông tin vi phạm pháp luật trên mạng liên quan tới lĩnh vực, địa bàn quản lý. Trường hợp cần thiết, kịp thời gửi thông tin vi phạm pháp luật trên mạng liên quan tới lĩnh vực, địa bàn quản lý tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) để xử lý.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) là đầu mối chỉ đạo và giám sát tuân thủ đối với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ lưu trữ web (hosting), dịch vụ trung tâm dữ liệu (data center) và các doanh nghiệp khác thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật trên mạng.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) và Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) là đầu mối chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, Internet thực hiện từ chối cung cấp hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, các dịch vụ khác đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ để đăng tải thông tin vi phạm pháp luật trên mạng.

4. Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ lưu trữ web (hosting), dịch vụ trung tâm dữ liệu (data center) và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông có trách nhiệm:

a) Thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung, dịch vụ, ứng dụng trên mạng vi phạm pháp luật chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại hoặc thư điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao);

b) Từ chối cung cấp hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, các dịch vụ khác đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ để đăng tải thông tin vi phạm pháp luật trên mạng theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao);

c) Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet kết nối, nhận yêu cầu điều phối, báo cáo kết quả qua hệ thống kỹ thuật và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao).

5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm:

a) Triển khai các giải pháp trên thiết bị truy cập mạng do doanh nghiệp cung cấp cho người sử dụng để bảo vệ người sử dụng không truy cập vào

các nguồn thông tin vi phạm pháp luật, ngăn chặn nguy cơ mất an toàn thông tin mạng; kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với hệ thống kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao);

b) Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn và điều phối các doanh nghiệp triển khai các giải pháp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

**Điều 81. Trách nhiệm của doanh nghiệp khi giao kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền phải quy định trong hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, đăng ký, duy trì tên miền nội dung yêu cầu tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ có trách nhiệm:

1. Không cung cấp, đăng tải, lưu giữ, truyền đưa các thông tin có nội dung vi phạm pháp luật khi sử dụng dịch vụ Internet.

2. Thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung vi phạm pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP VÀ THI HÀNH**

**Điều 82. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2013/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực theo thời hạn đã được cấp.

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp nếu có hoạt động liên kết với cơ quan báo chí theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định này thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

2. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đã được cấp theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2013/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực theo thời hạn đã được cấp.

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải tiến hành rà soát và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) về tổng số lượt truy cập từ Việt Nam (total visits) thường xuyên trong 01 tháng (số liệu thống kê trong thời gian 06 tháng liên tục) và số lượng người sử dụng thường xuyên trong tháng trên mạng xã hội do mình quản lý.

3. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng, Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực theo thời hạn đã được cấp.

4. Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được cấp sẽ hết hiệu lực khi Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã cấp cho doanh nghiệp theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP hết hiệu lực.

5. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp đã được cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP phải tiến hành rà soát, thống kê và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) về các trò chơi đang phát hành (danh sách và số lượng trò chơi đã được cấp phép kèm theo thông tin về trò chơi gồm: Tên trò chơi, phân loại độ tuổi, nguồn gốc trò chơi, phạm vi, phương thức cung cấp dịch vụ; danh sách và số lượng trò chơi đã dừng phát hành).

6. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp đã được cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01 tháng 6 năm 2006 của liên Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Công an về quản lý trò chơi trực tuyến tiến hành rà soát, thống kê các trò chơi đang phát hành và thực hiện thủ tục đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng theo quy định tại Điều 43, Điều 44 Nghị định này.

Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) tiến hành thẩm định và cấp lại Quyết định đối với những trò chơi điện tử G1 trên mạng đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc có văn bản thông báo dừng phát hành đối với những trò chơi điện tử G1 trên mạng không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 43 Nghị định này.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo dừng phát hành của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) thì doanh nghiệp phải dừng phát hành trò chơi.

7. Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã được cấp sẽ hết hiệu lực khi Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng đã cấp cho doanh nghiệp theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP hết hiệu lực.

8. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng theo quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP phải tiến hành rà soát, thống kê và báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động về các trò chơi đang phát hành (danh sách và số lượng trò chơi đã được cấp phép kèm theo thông tin về trò chơi gồm: Tên trò chơi, phân loại độ tuổi, nguồn gốc trò chơi, loại hình trò chơi cung cấp (G2, G3, G4), phạm vi, phương thức cung cấp dịch vụ); danh sách và số lượng trò chơi đã dừng phát hành.

9. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động sẽ hết hiệu lực sau 90 ngày kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực. Để tiếp tục cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này, các tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định tại Điều 71 Nghị định này.

10. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam và tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước thực hiện xác thực những tài khoản đang hoạt động của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 23 và điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định này.

11. Sau 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5, khoản 6, khoản 8, khoản 10 Điều này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

12. Đối với hồ sơ hợp lệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/Quyết định/

Giấy xác nhận nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/Quyết định/Giấy xác nhận thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018, Điều 2 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ, trừ trường hợp các bên lựa chọn áp dụng quy định của Nghị định này.

### **Điều 83. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 12 năm 2024.

2. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

b) Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

c) Điều 2 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

### **Điều 84. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết các nội dung quy định tại Điều 9, khoản 2 Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19 Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Hồ Đức Phúc**

**Phụ lục**

*(Kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP  
ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Bản khai đăng ký chuyên giao Tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) với ICANN
Mẫu số 02	Báo cáo cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 04	Kế hoạch kỹ thuật nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 05	Các nội dung cần được quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” ký giữa Trung tâm Internet Việt Nam và doanh nghiệp đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam (New gTLD Registry)
Mẫu số 07	Bản khai đăng ký địa chỉ Internet (hoặc địa chỉ Internet và số hiệu mạng)
Mẫu số 08	Mẫu Quyết định cấp địa chỉ Internet
Mẫu số 09	Báo cáo hoạt động cung cấp thông tin xuyên biên giới tại Việt Nam
Mẫu số 10	Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam
Mẫu số 11	Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam
Mẫu số 12	Thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí
Mẫu số 13	Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí

Mẫu số 14	Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
Mẫu số 15	Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 16	Đơn đề nghị cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
Mẫu số 17	Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội (kèm theo Cam kết thực hiện giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội)
Mẫu số 18	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
Mẫu số 19	Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 20	Thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 21	Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 22	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
Mẫu số 23	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 24	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 25	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
Mẫu số 26	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 27	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
Mẫu số 28	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 29	Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 30	Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 31	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 32	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng

Mẫu số 33	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 34	Đơn đề nghị cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 35	Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 36	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 37	Đơn đề nghị cấp lại Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng
Mẫu số 38	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 39	Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 40	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 41	Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 42	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 43	Tờ khai thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 44	Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 45	Tờ khai thông báo bổ sung thông tin trong quá trình cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 46	Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
Mẫu số 47	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng
Mẫu số 48	Báo cáo hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng tại địa phương
Mẫu số 49	Báo cáo tình hình hoạt động của các điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

Mẫu số 50	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
Mẫu số 51 (a/b)	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là cá nhân hoặc chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 52 (a/b)	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là cá nhân hoặc chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 53 (a/b)	Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là cá nhân hoặc chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 54	Quyết định gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
Mẫu số 55 (a/b)	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (áp dụng cho chủ điểm là cá nhân hoặc chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 56	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Mẫu số 57	Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Mẫu số 58	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Mẫu số 59	Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Mẫu số 60	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Mẫu số 61	Báo cáo hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
Mẫu số 62	Báo cáo định kỳ của doanh nghiệp viễn thông di động

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO TÊN MIỀN DÙNG CHUNG  
CẤP CAO NHẤT MỚI (NEW GTLD) VỚI ICANN**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

<p><b>1. Thông tin về chủ thể cá nhân đăng ký chuyển giao New gTLD</b> <i>(Trường hợp cá nhân đăng ký)</i></p>	<p>Họ và tên:.....          Ngày sinh:.....          Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu:.....          Địa chỉ:.....          Tỉnh/thành phố:.....          Quốc gia:.....          Số điện thoại:.....          Email:.....          Postcode:.....</p>
<p><b>2. Thông tin về cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp</b> <i>(Trường hợp cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đăng ký)</i></p>	<p>Tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:.....          Mã định danh điện tử của tổ chức:.....          Mã số doanh nghiệp:.....          Địa chỉ liên hệ:.....          Số điện thoại/fax:.....          Email:.....          Website:.....          Ghi chú:.....</p>
<p><b>3. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp</b> <i>(Trường hợp tổ chức/doanh nghiệp đăng ký)</i></p>	<p>Họ và tên:.....          Chức vụ:.....          Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu:.....          Địa chỉ:.....          Tỉnh/thành phố:.....          Số điện thoại:.....          Email:.....</p>

<b>4. Đăng ký thông tin về người chịu trách nhiệm chính của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp trong việc quản lý New gTLD</b> <i>(Trường hợp cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đăng ký)</i>	<b>Người chịu trách nhiệm quản lý New gTLD:</b> Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:..... <b>Người quản lý kỹ thuật:</b> Họ tên:..... Chức vụ:..... Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:.....
<b>5. Thông tin về New TLD có nhu cầu đăng ký với ICANN</b>	New gTLD:.....
<b>6. Kế hoạch sử dụng New gTLD</b>	<i>(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng New gTLD tại đây)</i>
<b>7. Tài liệu gửi kèm</b>	(1) Thuyết minh về hạ tầng mạng lưới kỹ thuật; hệ thống máy chủ DNS quản lý New gTLD. (2) Dự báo đánh giá tác động xã hội, ảnh hưởng đối với hoạt động Internet Việt Nam khi sử dụng New gTLD tại Việt Nam.
<b>8. Thông tin bổ sung</b>	

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cam kết các thông tin đã cung cấp là hoàn toàn chính xác và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
 NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

Mẫu số 02

**TÊN NHÀ ĐĂNG KÝ**  
**TÊN MIỀN QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

....., ngày..... tháng... năm...

**BÁO CÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,  
DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam.

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp.....
- Mã định danh điện tử của tổ chức:.....
- Mã số doanh nghiệp.....
- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Hộp thư điện tử:.....
- Website:.....

2. Đầu mối liên hệ

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Chức vụ:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Hộp thư điện tử:.....

3. Thông tin về đối tác ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam (chọn ô tương ứng):

Là Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế (ICANN).

Là Nhà đăng ký tên miền chính thức (accredited registrar) của ICANN.

- Tên đối tác:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại/Fax:.....
- Hộp thư điện tử.....
- Website:.....

#### 4. Cam kết

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam khi triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,  
DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam.

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Mã định danh điện tử của tổ chức:.....
- Mã số doanh nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....
- Website:.....

2. Đầu mối liên hệ

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Chức vụ:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....

3. Nội dung: Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, đề nghị Trung tâm Internet Việt Nam xem xét ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” ra cộng đồng.

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật và bảo đảm tuân thủ thực hiện hợp đồng Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo đúng các quy định của pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

Mẫu số 04

**KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**  
**NHÀ ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

1	Thuyết minh chi tiết kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạ tầng phòng máy.</li> <li>- Sơ đồ và kiến trúc mạng.</li> <li>- Hệ thống kỹ thuật để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền. Các thành phần hệ thống chính (mô tả chức năng, nguyên lý hoạt động và kết nối giữa các thành phần hệ thống).</li> <li>- Hệ thống máy chủ DNS.</li> <li>- Phương án đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu, dự phòng, cung cấp dịch vụ liên tục.</li> <li>- Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) của hệ thống, dịch vụ cung cấp.</li> </ul>
2	Nhân sự triển khai hệ thống và cung cấp dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án nhân sự kỹ thuật chuyên trách về quản trị mạng, dịch vụ phù hợp với các giai đoạn xây dựng, phát triển, duy trì hệ thống.</li> <li>- Phương án nhân sự chuyên trách về quản lý tên miền.</li> </ul>
3	Kế hoạch và mô hình cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức tiếp nhận đăng ký tên miền.</li> <li>- Website cung cấp dịch vụ; các biểu mẫu, quy trình, nội dung thông tin trên website.</li> <li>- Kế hoạch quản lý chăm sóc khách hàng (liên lạc khách hàng khi cần thiết, theo dõi nhắc nhở tên miền đến hạn duy trì...)</li> <li>- Kế hoạch, cách thức quản lý hồ sơ và thông tin, dữ liệu tên miền.</li> <li>- Thuyết minh về công tác xử lý khiếu nại về chất lượng cung cấp dịch vụ và hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi khách hàng.</li> </ul>
4	Kinh nghiệm triển khai dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền và các dịch vụ liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục các tên miền quốc tế mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ.</li> <li>- Danh mục các dịch vụ Internet mà tổ chức, doanh nghiệp đang cung cấp.</li> </ul>

**CÁC NỘI DUNG CẦN ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG HỢP ĐỒNG  
CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ, DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT  
NAM “.VN” KÝ GIỮA TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM VÀ TỔ  
CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CÔNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ,  
DUY TRÌ TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

1. Đối tượng của hợp đồng.
2. Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng.
3. Quyền hạn và trách nhiệm của các bên
  - a) Quyền hạn và trách nhiệm của bên A (Trung tâm Internet Việt Nam): nêu cụ thể các trách nhiệm về hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động các Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
  - b) Quyền hạn và trách nhiệm của bên B (Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”): Nêu cụ thể các quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định tại Nghị định này.
4. Điều khoản đáp ứng về tiêu chuẩn Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong đó yêu cầu năng lực về nhân sự và kỹ thuật quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:
  - a) Có số lượng cán bộ kỹ thuật chuyên trách về quản trị mạng, dịch vụ và cán bộ chuyên trách quản lý nghiệp vụ tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ;
  - b) Có hạ tầng mạng, hệ thống kỹ thuật, hệ thống máy chủ DNS được kết nối với hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm Internet Việt Nam;
  - c) Có cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý việc đăng ký, thu phí, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
  - d) Có giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; sao lưu dự phòng và khôi phục nhanh chóng các dữ liệu khi sự cố xảy ra.
5. Cam kết về kế hoạch triển khai các hoạt động phát triển tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và số lượng tên miền cụ thể.
6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.
7. Trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng.
8. Phạt vi phạm hợp đồng.
9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự.

Mẫu số 06

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ**  
**TÊN MIỀN DÙNG CHUNG CẤP CAO NHẤT MỚI TẠI VIỆT NAM**  
**(NEW GTLD REGISTRY)**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Mã định danh điện tử của tổ chức:.....
- Mã số doanh nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....
- Website:.....

2. Đầu mối liên hệ

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Chức vụ:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....

3. Nội dung: tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thực hiện hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) tại Việt Nam và cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền New gTLD cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét cấp phép hoạt động.

Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, quản lý thông tin trên Internet.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ ĐỊA CHỈ INTERNET**  
**(HOẶC ĐỊA CHỈ INTERNET VÀ SỐ HIỆU MẠNG)**

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam.

<p><b>1. Thông tin về cơ quan/tổ chức/ doanh nghiệp là chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ Internet (hoặc địa chỉ Internet và số hiệu mạng)</b></p>	<p>Tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:.....</p> <p>Tên mạng (netname) thành viên:..... <i>(netname phải đảm bảo duy nhất, không trùng với netname của các thành viên khác đã có)</i></p> <p>Địa chỉ liên hệ:.....</p> <p>Số điện thoại/fax:.....</p> <p>Email:.....</p> <p>Abuse-mailbox:.....</p> <p>Website:.....</p> <p>Mã định danh điện tử của tổ chức:.....</p> <p>Mã số doanh nghiệp:.....</p> <p>Ghi chú:.....</p>
<p><b>2. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/ doanh nghiệp là chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ Internet/số hiệu mạng</b></p>	<p>Họ và tên:.....</p> <p>Chức vụ:.....</p> <p>Số định danh cá nhân hoặc số CMTND hoặc số hộ chiếu:.....</p> <p>Địa chỉ:.....</p> <p>Tỉnh/thành phố:.....</p> <p>Số điện thoại:.....</p> <p>Email:.....</p>
<p><b>3. Thông tin về người chịu trách nhiệm của cơ quan/tổ chức/ doanh nghiệp trong việc</b></p>	<p><b>Người chịu trách nhiệm quản lý địa chỉ Internet/số hiệu mạng:</b></p> <p>Họ tên:.....</p> <p>Chức vụ:.....</p> <p>Số điện thoại/fax:.....</p>

<b>quản lý địa chỉ Internet/số hiệu mạng</b>	Email:..... <b>Người quản lý kỹ thuật:</b> Họ tên:..... Chức vụ:..... Số điện thoại/fax:..... Email:.....
<b>4. Vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng có đề nghị cấp *</b>	<input type="checkbox"/> <b>Trường hợp 1</b> - đăng ký mới: IPv4/IPv6/ASN:..... <i>(VD: /23 IPv4, /48 IPv6 hoặc /32 IPv6, 01 ASN)</i> <input type="checkbox"/> <b>Trường hợp 2</b> - đăng ký tái cấp IPv4: <i>(Nêu rõ thông tin vùng địa chỉ Internet đang được Trung tâm Internet Việt Nam niêm yết)</i> <input type="checkbox"/> <b>Trường hợp 3</b> - đổi tên chủ thể sử dụng: <i>(Nêu rõ thông tin vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng có nhu cầu đổi tên chủ thể; thông tin tên chủ thể, tên mạng, mã số cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng)</i> <input type="checkbox"/> <b>Trường hợp 4</b> - tiếp nhận vùng địa chỉ Internet, số hiệu mạng từ tổ chức quốc tế: <i>(Nêu rõ thông tin vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng tiếp nhận; thông tin về tên, tên mạng, địa chỉ, email liên hệ của tổ chức quốc tế)</i>
<b>5. Hiện trạng sử dụng các vùng địa chỉ Internet đã được cấp</b>	Tổng địa chỉ Internet đã được cấp:..... Tỷ lệ % địa chỉ Internet đã sử dụng:..... Thông tin bổ sung:.....
<b>6. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hiện có đề nghị cấp</b>	<i>(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ Internet có nhu cầu nghị cấp tại đây)</i> - Vùng địa chỉ   sử dụng nội bộ   thời điểm sử dụng hết - Vùng địa chỉ   sử dụng cho dịch vụ   thời điểm sử dụng hết VD: 01/24 IPv4 và 01/56 IPv6   Hệ thống, dịch vụ CNTT nội bộ   tháng.../202... 01/24 IPv4 và 01/48 IPv6   Dịch vụ FTTH tại HN   tháng.../202...

<b>7. Thông tin kết nối</b> <i>(thông tin đường truyền kết nối Internet)</i>	Đường truyền kết nối Internet 1: Tên nhà cung cấp (số hiệu mạng) Đường truyền kết nối Internet 2: Tên nhà cung cấp (số hiệu mạng) VD: Đường truyền kết nối Internet 1: VNPT (AS45899) Đường truyền kết nối Internet 2: VNIX (AS23902)
<b>8. Thông tin liên hệ nộp phí duy trì, sử dụng địa chỉ</b>	Đơn vị thanh toán:..... Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí:..... Địa chỉ thanh toán:..... Điện thoại/Fax:..... Email:.....

Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp đăng ký địa chỉ Internet cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

....., ngày..... tháng.... năm....

**Xác nhận của tổ chức đăng ký**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Lưu ý:*

- Yêu cầu bắt buộc khai toàn bộ các trường thông tin, áp dụng trong cả 4 trường hợp quy định tại mục 4.

- Địa chỉ email của các cá nhân đã đăng ký tại mục 3 sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với Trung tâm Internet Việt Nam liên quan tới địa chỉ Internet, số hiệu mạng đã phân bổ, cấp.

- *Lưu ý* \*:

+ Tại mục 4: lựa chọn một trong các trường hợp.

+ Tại phần xác nhận bản khai: Trường hợp thay đổi tên chủ thể sử dụng vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng, yêu cầu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng.

Mẫu số 08

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-VNNIC

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Cấp/phân bổ địa chỉ Internet/số hiệu mạng cho <Công ty ABC>**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM INTERNET VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm.... của Chính phủ quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Thông tư số...../TT-BTTTT ngày... tháng... năm.... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;*

*Căn cứ Quyết định số... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Internet Việt Nam;*

*Xét đề nghị của <Công ty ABC> và theo đề nghị của.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phát/phân bổ cho <Công ty ABC> dưới tên mạng <NETNAME>-VN các vùng địa chỉ Internet, số hiệu mạng sau đây:

1. Địa chỉ Internet IPv4:
2. Địa chỉ Internet IPv6:
3. Số hiệu mạng ASN.

**Điều 2.** <Công ty ABC> có trách nhiệm đưa vùng địa chỉ Internet, số hiệu mạng được cấp/phân bổ vào sử dụng tuân thủ các quy định hiện hành; tự xây dựng chính sách định tuyến cho vùng địa chỉ; khai báo tên miền ngược đầy đủ; phối hợp giải quyết các vấn đề về sử dụng địa chỉ Internet và số hiệu mạng khi có yêu cầu; báo cáo, cập nhật thông tin sử dụng địa chỉ kịp thời cho Trung tâm Internet Việt Nam và nộp phí duy trì sử dụng hàng năm theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Trưởng phòng <Đơn vị quản lý cấp phát/phân bổ địa chỉ Internet, số hiệu mạng>... và Trưởng các đơn vị trực thuộc Trung tâm Internet Việt Nam:.... và <Công ty ABC> chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

.....

- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Mẫu số 09

**TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày..... tháng... năm...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG**  
**CUNG CẤP THÔNG TIN XUYÊN BIÊN GIỚI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
 (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

**1. Thông tin chung:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:.....

- Các dịch vụ cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam:.....

**2. Báo cáo chi tiết các dịch vụ cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam:**

- Số lượng tài khoản người sử dụng thường xuyên tại Việt Nam (monthly active user):.....

- Doanh thu phát sinh tại Việt Nam trong năm:.....

- Số lượng nội dung vi phạm pháp luật đã được ngăn chặn, gỡ bỏ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:.....

- Số lượng xử lý khiếu nại của người sử dụng dịch vụ:.....

**3. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):**

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

- Lưu:...

**XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN/  
 NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
 NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

Mẫu số 10

**TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

..., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ  
CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI  
CUNG CẤP THÔNG TIN XUYÊN BIÊN GIỚI VÀO VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Chúng tôi thông báo thông tin liên hệ của chúng tôi tại Việt Nam như sau:

**1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:.....
- Tên giao dịch:.....
- Địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký hoạt động:.....
- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam:.....

**2. Đầu mối liên hệ:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đại diện liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông:....
- Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):.....
- Email:.....
- Điện thoại liên hệ:.....

**3. Chúng tôi xác nhận rằng những thông tin do chúng tôi cung cấp trên đây là chính xác và cam kết chịu trách nhiệm về những thông tin này.**

**XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN/  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../GXN-PTTH&TTĐT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN  
THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ  
CỦA TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI  
CUNG CẤP THÔNG TIN XUYÊN BIÊN GIỚI VÀO VIỆT NAM**

**CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Quyết định số../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;*

*Theo thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội của... (tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thông báo);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thông tin điện tử.*

**Xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp,  
cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam  
với những nội dung sau:**

**1. Thông tin tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:.....
- Tên giao dịch:.....
- Địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký hoạt động:.....
- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam:.....

**2. Đầu mối liên hệ:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đại diện liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông:.....

- Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):.....

- Email:.....

- Điện thoại liên hệ:.....

**3.** Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân..... có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Nghị định số... ngày... và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**4.** Trường hợp các thông tin trong thông báo có sự thay đổi, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân..... phải thực hiện lại thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.....

- Thứ trưởng (đề b/c);

- Thanh tra Bộ;

- Cục trưởng;

- Lưu: VT, TTĐT

**CỤC TRƯỞNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

Mẫu số 12

TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ TÀI KHOẢN MẠNG XÃ HỘI/  
TRANG CỘNG ĐỒNG/KÊNH NỘI DUNG/NHÓM CỘNG ĐỒNG  
CỦA CƠ QUAN BÁO CHÍ**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

**1. Thông tin cơ quan báo chí sở hữu tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng**

- Tên cơ quan báo chí:

- Số Giấy phép hoạt động báo chí: Ngày cấp phép: Cơ quan cấp phép:

- Địa chỉ tòa soạn:

- Điện thoại liên hệ tòa soạn:

- Hộp thư điện tử:

- Họ tên Tổng biên tập: Điện thoại liên hệ:

**2. Thông tin về tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng**

- Tên tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng:

- Tên mạng xã hội:

- Số lượng người sử dụng theo dõi/đăng ký:

- Định hướng lĩnh vực, nội dung cung cấp, trao đổi trên trang kênh, nhóm (giải trí, thể thao, giáo dục...):

**3. Cam kết**

(Tên cơ quan báo chí) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin nêu trên là đúng sự thật, đảm bảo tuân thủ theo đúng tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí đã được ghi trong giấy phép hoạt động báo chí.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**TỔNG BIÊN TẬP CƠ QUAN BÁO CHÍ**

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Mẫu số 13

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../GXN-PTTH&TTĐT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN  
THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ TÀI KHOẢN MẠNG XÃ  
HỘI/TRANG CỘNG ĐỒNG/KÊNH NỘI DUNG/  
NHÓM CỘNG ĐỒNG CỦA CƠ QUAN BÁO CHÍ**

**CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;*

*Theo thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội của... (cơ quan báo chí thông báo);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng thông tin điện tử.*

**Xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/  
trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí  
với những nội dung sau:**

**1. Thông tin cơ quan báo chí sở hữu tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng**

- Tên cơ quan báo chí:

- Số Giấy phép hoạt động báo chí: Ngày cấp phép: Cơ quan cấp phép:

- Địa chỉ tòa soạn:

- Điện thoại liên hệ tòa soạn:

- Hộp thư điện tử:

- Họ tên Tổng biên tập:

Điện thoại liên hệ:

**2. Thông tin về tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng**

- Tên tài khoản/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng:
- Tên mạng xã hội:
- Số lượng người sử dụng theo dõi/đăng ký:
- Định hướng lĩnh vực, nội dung cung cấp, trao đổi trên trang kênh, nhóm (*giải trí, thể thao, giáo dục...*):

**3.** Cơ quan báo chí..... có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**4.** Trường hợp các thông tin trong thông báo có sự thay đổi, cơ quan báo chí phải thực hiện lại thủ tục thông báo thông tin liên hệ tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan báo chí.....
- Thứ trưởng (để b/c);
- Thanh tra Bộ;
- Cục trưởng;
- Lưu: VT, TTĐT.

**CỤC TRƯỞNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

Mẫu số 14

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN  
GIẤY PHÉP THIẾT LẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP  
(Từ tháng... năm... đến tháng... năm...)**

Kính gửi:.....

*(Cơ quan cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp cho tổ chức, doanh nghiệp)*

**1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:**

- Tên giao dịch quốc tế:
- Tên viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:
- Điện thoại/Fax:
- Website:
- Thư điện tử:

**3. Nội dung báo cáo (nếu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hơn một trang thông tin điện tử tổng hợp cần báo cáo thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp báo cáo lần lượt theo nội dung sau):**

- Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp số... do... cấp ngày... tháng... năm...

- Tên trang: (Tên miền, tên ứng dụng)

- Nội dung thông tin đang cung cấp, các chuyên mục chính:

- Tổng số nhân sự phục vụ hoạt động trang thông tin điện tử tổng hợp; tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Số lượng nhân sự quản lý nội dung:

- Danh sách cơ quan báo chí có thỏa thuận hợp tác cung cấp nguồn tin (kèm theo văn bản thỏa thuận cung cấp nguồn tin phát sinh trong kỳ báo cáo, nếu có):

- Tần suất cập nhật tin, bài (tính bằng đơn vị/ngày); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Báo cáo về hoạt động liên kết nếu tổ chức, doanh nghiệp có liên kết với cơ quan báo chí theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lượt xem trung bình/tháng (Page view/tháng); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Lượt truy cập trung bình/tháng (Unique Visitor/tháng); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Các dịch vụ phát sinh doanh thu của trang thông tin điện tử tổng hợp:

- Doanh thu trong kỳ báo cáo:

- Danh sách, số lượng khiếu nại của các cá nhân, tổ chức khác đối với thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp: Người khiếu nại, nội dung khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại:

- Các hành vi vi phạm về nội dung trong kỳ báo cáo đã bị nhắc nhở, xử lý vi phạm:

Số TT	Thời gian	Nội dung vi phạm	Cơ quan yêu cầu xử lý (Bộ TT&TT, Sở TT&TT, Doanh nghiệp tự phát hiện)	Kết quả xử lý

- Các vấn đề về kỹ thuật đã gặp phải trong kỳ báo cáo (nếu có):

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về báo cáo tình hình triển khai giấy phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

Mẫu số 15

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN  
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI  
(Từ tháng... năm... đến tháng... năm...)**

Kính gửi: - Bộ Thông tin và Truyền thông  
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);  
- Sở Thông tin và Truyền thông địa phương.

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

2. Nội dung báo cáo (nếu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hơn một mạng xã hội cần báo cáo thì cơ quan, tổ chức báo cáo lần lượt theo nội dung sau):

- Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số... do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày... tháng... năm.....

- Tên trang: (Tên miền, tên ứng dụng)

- Các dịch vụ có phát sinh doanh thu:

- Doanh thu trong kỳ báo cáo:

- Tổng số nhân sự phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội:.....  
(trong đó.... nam,..... nữ)

- Số lượng đơn thư khiếu nại của các cá nhân, tổ chức khác đối với thông tin trên mạng xã hội: nội dung khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại.

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)**

*Đầu mối liên hệ về báo cáo tình hình triển khai giấy phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**, **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....

..., ngày... tháng...năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...

2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...

3. Địa chỉ trụ sở chính:...

Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):....

4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...

5. Điện thoại/Fax:.....

- Website.....

- Thư điện tử:....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**

1. Tên trang (nếu có):.....

2. Mục đích thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....

3. Nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp; các chuyên mục, loại hình thông tin:...

4. Đối tượng phục vụ:.....

5. Nguồn tin:.....

6. Tên cơ quan báo chí, lĩnh vực thông tin liên kết (nếu có hoạt động hợp tác liên kết với cơ quan báo chí sản xuất tin bài):.....

7. Phương thức cung cấp thông tin:.....

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....

- b) Qua ứng dụng..... phân phối trên kho ứng dụng.....
8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:.....
9. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:.....
10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp:
- a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:
- Họ và tên:.....
  - Chức danh:.....
  - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....
- b) Nhân sự quản lý nội dung:
- Họ và tên:.....
  - Chức danh:.....
  - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....
11. Thời gian đề nghị cấp phép:..... năm..... tháng.
12. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép):.....

### **Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

### **Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.
3. Xây dựng quy trình quản lý nội dung, thông tin tổng hợp, kịp thời cập nhật, điều chỉnh các nội dung dẫn lại khi nội dung nguồn thay đổi; gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn gỡ bỏ nội dung thông tin đó theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Báo chí và khoản 3 Điều 34 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.
4. Kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền; có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng về nội dung, dịch vụ; nội dung dẫn lại (theo thỏa thuận bằng văn

bản giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí) không sớm hơn 01 giờ tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

5. Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại; nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian đã đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 28 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

6. Đảm bảo kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ cho việc theo dõi đăng tải tin bài trên trang thông tin điện tử tổng hợp và thống kê lượng người sử dụng truy cập khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

7. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại, hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao), Sở Thông tin và Truyền thông địa phương và các cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành hoặc khi tự phát hiện vi phạm; thực hiện việc xử lý các yêu cầu, khiếu nại về sở hữu trí tuệ theo các quy định của pháp luật của Việt Nam về sở hữu trí tuệ; gỡ ngay nội dung dẫn lại (không chậm hơn 03 giờ) sau khi nội dung nguồn bị gỡ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

8. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

9. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,**  
**DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

Mẫu số 17

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...
5. Điện thoại:..... Website:.....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**

1. Tên mạng xã hội (nếu có):
2. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:
3. Loại hình dịch vụ mạng xã hội: (dịch vụ tạo tài khoản, kênh cung cấp nội dung, trang thông tin điện tử cá nhân...)
4. Đối tượng phục vụ:
5. Phương thức cung cấp dịch vụ:
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:
  - b) Qua ứng dụng... phân phối trên kho ứng dụng:
6. Quy trình quản lý:
7. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:

8. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:

9. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

10. Thời gian đề nghị cấp phép:..... năm..... tháng.

11. Địa chỉ thư điện tử nhận đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép):.....

### **Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

### **Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội, (tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
- Cơ quan chủ quản  
(nếu có);  
.....

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

Kèm theo Mẫu số 17

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**, **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

**CAM KẾT THỰC HIỆN**  
**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**  
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số... ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:...
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...
5. Điện thoại:..... Website.....

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội.
2. Cung cấp dịch vụ mạng xã hội tuân thủ theo quy định của pháp luật và thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ với người sử dụng; mô tả quy trình, cách thức phân phối nội dung trên nền tảng mạng xã hội của mình và công bố công khai trong Thỏa thuận cung cấp dịch vụ/Tiêu chuẩn cộng đồng cho người sử dụng dịch vụ biết để lựa chọn sử dụng dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.
3. Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ khi cho phép thông tin của mình được sử dụng cho mục đích quảng bá, truyền thông và cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

4. Không đăng tải hoặc cho thành viên (bao gồm cả nhân sự của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội) viết bài dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn và đăng tải lên mạng xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

5. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm. Thông báo đến người đăng tải nội dung bị khiếu nại: lý do nội dung bị tạm khóa hoặc xóa bỏ; có cơ chế để người có thông tin bị tạm khóa phản hồi lại theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

6. Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm quy định của pháp luật theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

7. Thực hiện việc tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn hoạt động đối với các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên đăng tải nội dung vi phạm pháp luật chậm nhất là 24 giờ khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

8. Cung cấp thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ công tác điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng theo quy định tại khoản 9 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

9. Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ, xác thực và quản lý nội dung, thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định của pháp luật. Bảo đảm chỉ những người sử dụng đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Thực hiện xóa thông tin của người sử dụng dịch vụ sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định tại khoản 11 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

10. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin, phổ biến quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến việc cung cấp, sử dụng Internet và thông tin trên mạng đến người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định tại khoản 12 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

11. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 13 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

12. Kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ việc thống kê, theo dõi lượng người sử dụng, truy cập theo quy định tại khoản 14 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

13. Cung cấp công cụ tìm kiếm, rà quét nội dung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 15 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

14. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 16 Điều 35 Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

15. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu mọi hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ mạng xã hội nếu vi phạm quy định tại giấy phép.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
(UBND TỈNH, THÀNH PHỐ  
TRỰC THUỘC TW...)  
**CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN  
HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  
(SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN  
THÔNG TỈNH, THÀNH PHỐ...)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

Số:.../GP-TTĐT

**GIẤY PHÉP THIẾT LẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

*Cấp lần đầu: ngày... tháng... năm...*

*Cấp sửa đổi, bổ sung: ngày... tháng... năm...*

*Cấp lại: ngày... tháng... năm... (nếu có)*

*Cấp gia hạn: ngày... tháng... năm...*

**CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  
(GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG)

*Căn cứ Luật Báo chí;*

*Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Quyết định số... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (cơ quan cấp phép);*

*Theo đề nghị của..... (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thông tin điện tử (Trưởng Phòng... thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:**

**Điều 1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp theo những quy định sau:**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...
  - Địa chỉ trụ sở chính:.....
  - Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):...
  - Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do... cấp ngày... tháng... năm... tại...
  - Điện thoại/Fax:.....
  - Website:.....
  - Thư điện tử.....
3. Tên trang (nếu có):.....
4. Mục đích thiết lập trang tin điện tử tổng hợp:.....
5. Nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
6. Nguồn tin:.....
7. Tên cơ quan báo chí, lĩnh vực thông tin liên kết (nếu có hoạt động hợp tác liên kết sản xuất tin bài với cơ quan báo chí):.....
8. Phương thức cung cấp thông tin:
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....
  - b) Qua ứng dụng.... phân phối trên kho ứng dụng...
9. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:.....
10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp:
  - a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:
    - Họ và tên:.....
    - Chức danh:.....
    - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....
  - b) Nhân sự quản lý nội dung:
    - Họ và tên:.....
    - Chức danh:.....
    - Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

**Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) có các trách nhiệm sau:**

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp phép và những điều ghi trong giấy phép này.

2. Trường hợp trên trang thông tin điện tử tổng hợp có cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng quy trình quản lý nội dung, thông tin tổng hợp, kịp thời cập nhật, điều chỉnh các nội dung dẫn lại khi nội dung nguồn thay đổi; gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn gỡ bỏ nội dung thông tin đó theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Báo chí.

4. Có cơ chế kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải không vi phạm bản quyền; có công cụ bằng phương tiện điện tử để tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người sử dụng về nội dung, dịch vụ; nội dung dẫn lại theo thỏa thuận bằng văn bản giữa trang thông tin điện tử tổng hợp với cơ quan báo chí nhưng không sớm hơn 01 giờ tính từ thời điểm phát hành nội dung nguồn.

5. Không cho đăng tải ý kiến nhận xét, bình luận của độc giả về nội dung tin, bài được dẫn lại; nội dung tổng hợp ghi rõ tên tác giả và tên nguồn tin (viết đầy đủ tên nguồn tin), thời gian đã đăng, phát thông tin đó, đặt đường dẫn liên kết đến bài viết nguồn ngay cuối bài dẫn lại.

6. Có phương án kỹ thuật đảm bảo kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ cho việc theo dõi đăng tải tin bài trên trang thông tin điện tử tổng hợp và thống kê lượng người sử dụng truy cập khi có yêu cầu.

7. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản, điện thoại, hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử), Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao), Sở Thông tin và Truyền thông địa phương và các

cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành hoặc khi tự phát hiện vi phạm; thực hiện việc xử lý các yêu cầu, khiếu nại về sở hữu trí tuệ theo các quy định của pháp luật của Việt Nam về sở hữu trí tuệ; gỡ ngay nội dung dẫn lại (không chậm hơn 03 giờ) sau khi nội dung nguồn bị gỡ.

8. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em.

9. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:**

1. Giấy phép này có giá trị trong... năm (Giấy phép này có giá trị đến ngày..... tháng... năm... và thay thế giấy phép số... cấp ngày.... tháng... năm... trong trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn giấy phép).

2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

#### ***Nơi nhận:***

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép;
- Thứ trưởng (để b/c);
- Cục trưởng (Giám đốc Sở TT&TT tỉnh, thành phố trực thuộc TW);
- Cục PTTH&TTĐT (đối với giấy phép do Sở TT&TT tỉnh, thành phố cấp);
- Thanh tra Bộ;
- Lưu: VT,.....

**CỤC TRƯỞNG  
(GIÁM ĐỐC)**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và  
đóng dấu/ký số)*

**BỘ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../GP-BTTTT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI***Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm.....**Cấp sửa đổi, bổ sung ngày..... tháng..... năm..... (nếu có)**Cấp lại ngày..... tháng..... năm.....(nếu có)**Cấp gia hạn ngày..... tháng..... năm.....(nếu có)***BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Căn cứ Nghị định số..... ngày... tháng... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Theo đề nghị của (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.*

**QUYẾT ĐỊNH:****CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI  
THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:**

**Điều 1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo các quy định sau:**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch:...

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...

- Điện thoại:..... Website.....

2. Tên mạng xã hội (nếu có):

3. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

4. Loại hình dịch vụ mạng xã hội:

5. Phương thức cung cấp dịch vụ:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:

b) Qua ứng dụng....phân phối trên kho ứng dụng...

6. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:

7. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

**Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) có các trách nhiệm sau:**

1. (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp phép và những điều ghi trong giấy phép này.

2. Trường hợp trên mạng xã hội có cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:**

**Nơi nhận:**

- Cơ quan/Tổ chức/DN được cấp phép;
- Bộ Công an;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng....;
- Thanh tra Bộ;
- Sở TTTT địa phương;
- Lưu: VT, PTT&TTĐT,..

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

....., ngày... tháng... năm...

## **THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

### **Phần 1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội:...**

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch:...

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...

- Điện thoại:..... Website.....

### **Phần 2. Mô tả tóm tắt về thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

1. Tên mạng xã hội (nếu có):

2. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:.....

3. Loại hình dịch vụ mạng xã hội: (dịch vụ tạo tài khoản, kênh (channel) cung cấp nội dung, trang thông tin điện tử cá nhân...):.....

4. Phương thức cung cấp dịch vụ:.....

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:.....

b) Qua ứng dụng... phân phối trên kho ứng dụng:.....

5. Quy trình quản lý:...

6. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:.....

7. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:.....

8. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên:.....  
- Chức danh:.....  
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên:.....  
- Chức danh:.....  
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

### **Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....  
2. ....

### **Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
.....  
- Lưu:.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/NGƯỜI**  
**ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../GXN-PTTH&TTĐT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

*Cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm.....*

*Cấp sửa đổi, bổ sung ngày..... tháng..... năm..... (nếu có)*

*Cấp lại ngày..... tháng..... năm.....(nếu có)*

**CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH  
VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

*Căn cứ Nghị định số..... ngày.....tháng.....năm.....của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm.....của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;*

*Theo thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội của... (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thông báo);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng thông tin điện tử.*

**XÁC NHẬN  
THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI  
THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội:
2. Tên mạng xã hội (nếu có):
3. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:
4. Loại hình dịch vụ mạng xã hội: (dịch vụ tạo tài khoản, kênh (channel) cung cấp nội dung, trang thông tin điện tử cá nhân...)

5. Đối tượng phục vụ:

6. Phương thức cung cấp dịch vụ:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:

b) Qua ứng dụng... phân phối trên kho ứng dụng:

7. Quy trình quản lý:

8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet:

9. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:

10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên:.....

- Chức danh:.....

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động):.....

11. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo đúng nội dung và cam kết đã thông báo.

Trường hợp trên mạng xã hội có cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép;
- Thứ trưởng (để b/c);
- Thanh tra Bộ;
- Sở TTTT địa phương;
- Cục trưởng;
- Lưu: VT, TTĐT.

**CỤC TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh  
và đóng dấu/ký số)

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản:.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
4. Điện thoại/fax:.....  
- Website.....  
- Thư điện tử:.....
5. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được sửa đổi, bổ sung: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số.... cấp ngày.... tháng.... năm.....
6. Phương thức cung cấp thông tin:
  - a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang:....
  - b) Qua ứng dụng... phân phối trên kho ứng dụng:.....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);

.....

**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

**TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

... , ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
 (Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ trụ sở giao dịch:....
4. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...
5. Điện thoại:..... Website.....
6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội cần sửa đổi, bổ sung:  
 Giấy phép (*tên giấy phép*) số... cấp ngày... tháng... năm...

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....
3. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội sửa đổi, bổ sung.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 24

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY XÁC NHẬN  
THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) thay đổi nội dung thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...
6. Điện thoại:..... Website.....
7. Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội số:.....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về thay đổi thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội**

1. Nội dung thay đổi:
2. Lý do thay đổi:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin; tuân thủ nghiêm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):...

2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:...

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):...

4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...

5. Điện thoại/Fax:.....

- Website.....

- Thư điện tử:...

6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được gia hạn: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số.... cấp ngày.... tháng.... năm.....

Phương thức cung cấp thông tin:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang:.....

b) Qua ứng dụng... phân phối trên kho ứng dụng:.....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn giấy phép**

- Lý do đề nghị gia hạn.....

- Thời hạn đề nghị được gia hạn:.... năm.... tháng

**Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản  
(nếu có);

.....

**XÁC NHẬN CỦA  
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

Mẫu số 26

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

... , ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN**  
**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
 (Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Tên mạng xã hội (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Điện thoại:..... Website.....
6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được gia hạn:  
 Giấy phép (*tên giấy phép*) số....cấp ngày.... tháng... năm.....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn**

Lý do đề nghị gia hạn.....

Thời hạn đề nghị được gia hạn:.... năm.... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được gia hạn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 27

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,  
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THIẾT LẬP  
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:.....

*(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp như sau:*

**Phần I. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):.....
2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
Địa chỉ trụ sở giao dịch (nếu có):.....
4. Quyết định thành lập/Điều lệ hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do.... cấp ngày... tháng... năm... tại...
5. Điện thoại/Fax:.....  
- Website.....  
- Thư điện tử:.....
6. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đề nghị được cấp lại: Giấy phép (*tên giấy phép*)... số.... cấp ngày.... tháng.... năm....  
Phạm vi cung cấp thông tin:  
a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền, tên trang:.....  
b) Qua ứng dụng... phân phối trên kho ứng dụng:.....

**Phần II. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại giấy phép**

Lý do đề nghị cấp lại

 Bị mất

- Bị rách
- Bị cháy
- Bị tiêu hủy dưới hình thức khác (ghi rõ)

### **Phần III. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....

### **Phần IV. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về bản quyền; các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- .....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,**  
**DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)).*

Mẫu số 28

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

... , ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) đề nghị được cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:.....
2. Tên mạng xã hội (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch:.....
5. Điện thoại:..... Website.....
6. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được cấp lại:  
Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày.... tháng.... năm....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp lại**

1. Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội đề nghị được cấp lại  
Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày.... tháng.... năm....
2. Lý do đề nghị cấp lại
  - Bị mất
  - Bị rách
  - Bị cháy
  - Bị tiêu hủy dưới hình thức khác (ghi rõ)

**Phần 3. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội được cấp lại.

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
**CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông  
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....  
- Tên giao dịch quốc tế:.....  
- Tên viết tắt:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....  
- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:.....  
- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....  
Chức vụ:..... Số điện thoại liên lạc:.....
5. Địa chỉ đặt máy chủ và Tên doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ:.....
6. Thời hạn đề nghị cấp phép: (tối đa 10 năm)
7. Tài liệu kèm theo: *(theo quy định tại....)*

**Phần 2. Tài liệu kèm theo (quy định tại..... Nghị định.....)**

1. ....

**Phần 3. Cam kết****1. Cam kết về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng:**

Công ty..... cam kết thực nghiệm các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, cụ thể như sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng theo quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định của pháp luật về thanh toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Không lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Không đứng tên làm đại lý cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

- Báo cáo và chịu sự thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## **2. Cam kết kế hoạch triển khai dịch vụ**

Căn cứ vào các nội dung được trình bày trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng, doanh nghiệp..... cam kết triển khai cung cấp dịch vụ sau khi được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép; Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; thực hiện đúng các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật có liên quan.

## **3. Các nội dung cam kết khác**

- Doanh nghiệp cam kết hồ sơ doanh nghiệp nộp đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng là đúng sự thật, đúng với thực tế của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân sự, kỹ thuật, tài chính, quản lý nội dung, thông tin... theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.

- Cam kết toàn bộ hệ thống hỗ trợ và kết nối thanh toán cho game là đặt tại Việt Nam và do doanh nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và kiểm soát tại Việt Nam.

Doanh nghiệp..... cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp xử phạt theo quy định của Nhà nước và Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông khi vi phạm các cam kết nêu trên.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

- Lưu:.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN  
HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-PTTH&TTĐT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

## GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG

*Cấp lần đầu ngày... tháng... năm...*

*Cấp sửa đổi, bổ sung ngày... tháng... năm... (nếu có)*

*Cấp lại ngày... tháng... năm... (nếu có)*

*Cấp gia hạn ngày... tháng... năm... (nếu có)*

### CỤC TRƯỞNG CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

*Căn cứ Nghị định số...../NĐ-CP ngày.... tháng.... năm.... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTTTT ngày.....tháng..... năm.... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;*

*Xét đề nghị của (Công ty có hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thông tin điện tử.*

### QUYẾT ĐỊNH CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:

#### Điều 1. Thông tin doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:.....
- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:.....
- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:  
 Chức vụ:..... Số điện thoại liên lạc:.....
5. Địa chỉ đặt máy chủ và Tên doanh nghiệp cho thuê máy chủ, cho thuê chỗ đặt máy chủ:.....

**Điều 2.** Doanh nghiệp được cấp giấy phép phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng phải thực hiện đúng các quy định tại:

- Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
- Cam kết của doanh nghiệp tại Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- Những điều ghi trong giấy phép này; các quy định về thanh toán và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

**Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:**

**Nơi nhận:**

- Công ty.....
- Bộ Công an;
- Thứ trưởng (đề b/c);
- Thanh tra Bộ TTTT;
- Sở TTTT địa phương;
- Cục trưởng;
- Lưu: VT, PTTH&TTĐT<sup>(12)</sup>.

**CỤC TRƯỞNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

Mẫu số 31

**TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

... , ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....  
 - Tên giao dịch quốc tế:.....  
 - Tên viết tắt:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....  
 - Địa chỉ văn phòng giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....  
 - Website giới thiệu hoạt động của Công ty:.....  
 - Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.... do.... cấp ngày... tháng... năm... do....
4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đề nghị được sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày.... tháng.... năm.....

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung**

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
2. Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....
2. ....
3. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng sửa đổi, bổ sung.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....

... , ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP  
CUNG CẤP DỊCH VỤ CHƠI ĐIỆN TỬ G1 TRÊN MẠNG**

Kính gửi: Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp: (ghi bằng chữ in hoa).....

- Tên giao dịch quốc tế:.....

- Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

- Website giới thiệu hoạt động của Công ty:.....

- Website cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....  
do.... cấp ngày... tháng... năm... do....

4. Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đề nghị được  
gia hạn:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số.... cấp ngày.... tháng.... năm....**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn**

Lý do đề nghị gia hạn.....

Thời hạn đề nghị được gia hạn:.... năm.... tháng

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. ....

2. ....

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

1. Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng gia hạn.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

**XÁC NHẬN CỦA**  
**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/**  
**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

*Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).*

(Xem tiếp Công báo số 1265 + 1266)

---

---

## VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng